TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST. Ngày 08-5-2025 V/v Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Thanh Trần;

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị S, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Cao Thiên Đ, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện U, tỉnh C.

(Bà S vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đ vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2025 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Cao Thị S trình bày: bà và ông Cao Thiên Đ tự nguyện tìm hiểu và được sự đồng ý của hai gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2003. Sau khi cưới chung sống tại ấp C, xã K, huyện U, tỉnh C nhưng đến ngày 02/5/2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh C. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Đ thường xuyên đánh đập chửi mắng bà, gia đình hai bên nhiều lần động viên và bà cho cơ hội nhưng ông Đường K thay đổi. Đến ngày 26/10/2019 ông Đ tiếp tục đánh bà nên bà đã về nhà cha mẹ ruột ở xã B, huyện T ở cho đến nay. Bà xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Cao Thiên Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Phong Đ1, sinh ngày 17/4/2004 đã trưởng thành và Cao Anh T, sinh ngày 26/10/2012 hiện đang chung sống với bà. Cao Phong Đ1 đã trưởng thành, bà yêu cầu được nuôi Cao Anh T không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu.

- Tại tờ tự khai ngày 07/3/2025, Cao Anh T trình bày: hiện cháu sống với mẹ và có nguyện vọng sống với mẹ khi sau khi cha mẹ ly hôn.

- Bị đơn vắng mặt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, không có văn bản có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Cao Thị S và ông Cao Thiên Đ được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Cao Thiên Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bà S có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà S, ông Đ.

[2] Về nội dung: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Cao Thị S và ông Cao Thiên Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Cao Thị S và ông Cao Thiên Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà S, ông Đ xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải với nhau được và đã không còn chung sống cùng nhau từ năm 2019 đến nay, bà S yêu cầu ly hôn với ông Đ. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị S, ông Cao Thiên Đ không có ý kiến. Xét thấy, bà S và ông Đ sau khi kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống cùng nhau, bà S xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, điều này cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau, đời sống chung không thể tiếp tục nên bà S yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Cao Thị S và ông Cao Thiên Đ ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Phong Đ1, sinh ngày 17/4/2004 đã trưởng thành và Cao Anh T, sinh ngày 26/10/2012 hiện đang chung sống với bà S. Cao Phong Đ1 theo bà S xác định đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét. Đối với Cao Anh T, bà S yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, con chung tên Cao Anh T do bà S nuôi dưỡng từ trước đến nay và bà S có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, cháu Cao Anh T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, nên để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S về con chung, giao con chung tên Cao Anh T cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng. Bà S không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị S phải nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị S. Bà Cao Thị S được ly hôn với ông Cao Thiên Đ.

- Về con chung: Tên Cao Phong Đ1, sinh ngày 17/4/2004 đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét. Giao con chung tên Cao Anh T, sinh ngày 26/10/2012 cho bà Cao Thị S tiếp tục nuôi dưỡng. Bà S không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch bà Cao Thị S phải chịu là 300.000 đồng. Bà Cao Thị S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006992 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh C chuyển thu án phí (biên lai thu tiền ghi địa chỉ ấp S, xã B, huyện T, tỉnh C).

- Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng